

Số: 310 /BC-CTN

Hạ Long, ngày 28 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH**  
**NĂM 2017**

*(Theo Phụ lục số 4 - Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015  
của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

**I. Thông tin chung.**

**1. Thông tin khái quát.**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700100104 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 25 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần thứ 10 ngày 27 tháng 02 năm 2017.
- Vốn điều lệ: 402.951.789.959 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 487.738.944.203 đồng. Trong đó: vốn góp Nhà nước nắm giữ 468.228.944.203 đồng chiếm 96%. Vốn của các cổ đông khác là 19.510.000.000 đồng chiếm 4%.
- Địa chỉ: Số 449 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hồng Hải, Thành Phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Số điện thoại: (0203) 3 835.733
- Số fax: (0203) 3 835.796
- Website: [www.quawaco.com.vn](http://www.quawaco.com.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có): Đang làm thủ tục đăng ký chứng khoán.

**- Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh tiền thân là Công ty Thi công và Cấp nước Quảng Ninh. Ngày 01/10/1976, UBND Tỉnh Quảng Ninh công bố quyết định số 484 TC/UB ngày 3/8/1976, thành lập Công ty Thi công và Cấp nước Quảng Ninh trên cơ sở phê duyệt phương án tổ chức do Công ty xây dựng Quảng Ninh lập ra tiền thân là sát nhập các xí nghiệp nước Hòn Gai, Cẩm Phả, Uông Bí, Ban kiến thiết Nước và các bộ phận xây lắp công trình nước của Công ty lắp máy điện và thi công cơ giới. Công ty được thành lập lại theo Nghị định số 388 HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng tại Quyết định số 2570 QĐ/UB ngày 04 tháng 12 năm 1992. Công ty được chuyển từ doanh nghiệp hoạt động kinh doanh sang doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích tại Quyết định 1066 QĐ/UB ngày 09/4/1997 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 02/6/2010, UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 1639/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi và chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh thành Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Quảng Ninh.

Năm 2013, thực hiện Quyết định số 659/QĐ-UB ngày 23/3/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND tỉnh năm 2012, Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh nước sạch Quảng Ninh thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Ngày 18/6/2013, cuộc đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Quảng Ninh được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tổng số lượng cổ phần chào bán là 7.895.500 cổ phần. Số lượng cổ phần bán đấu giá thành công là 619.700 cổ phần, giá đấu thành công bình quân là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2014 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5700100104 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp đăng ký ngày 31/12/2013 với số vốn điều lệ là 369.336.000.000 đồng.

Ngày 08/10/2015, UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 3005/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần đối với Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Quảng Ninh. Giá trị vốn Nhà nước tăng so với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 30/06/2012): 9.736.391.920 đồng (Trong đó: Lợi nhuận của hoạt động SXKD từ 01/7/2012 đến 31/12/2013 là 9.420.417.320 đồng và khoản nợ phải trả nhưng không xác nhận được nợ 315.974.600 đồng).

Ngày 07/12/2015, Công ty tổ chức lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản thông qua việc tăng vốn điều lệ công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp khi quyết toán bàn giao từ Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Quảng Ninh sang Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh, giá trị xác định lại tăng 33.615.789.959 đồng sẽ ghi tăng vốn góp Nhà nước tại Công ty cổ phần, Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua việc tăng vốn điều lệ với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% số cổ phiếu của cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty.

Ngày 22/12/2015, Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700100104 thay đổi lần thứ 8 với vốn điều lệ là 402.951.789.959 đồng.

Ngày 09/10/2017, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 6676 /GSĐC-UBCK.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- *Ngành nghề kinh doanh:* Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, du lịch, dịch vụ, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn Quảng Ninh; Quản lý dự án đầu tư cấp thoát nước trên địa bàn tỉnh; Đầu tư xây dựng các công trình cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường. Tổng thầu thực hiện các dự án cấp nước theo hình thức chìa khóa trao tay; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước. Thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và chất rắn.

- Địa bàn kinh doanh: tỉnh Quảng Ninh.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;

- Hội đồng quản trị;

- Ban kiểm soát Công ty;

- Ban Tổng Giám đốc;

- Khối phòng nghiệp vụ:

+ Văn phòng

+ Phòng Kế toán tài chính;

+ Phòng Kinh doanh;

+ Phòng Tổ chức Lao động;

+ Phòng Kiểm tra CTT;

+ Phòng Kỹ thuật;

+ Phòng Vật tư Cơ khí;

+ Phòng Kế hoạch đầu tư;

+ Phòng Khoa học Công nghệ;

+ Ban Quản lý dự án.

+ Trung tâm Kiểm định đồng hồ;

- Các Xí nghiệp, chi nhánh:

+ Xí nghiệp nước Móng Cái;

+ Xí nghiệp nước Uông Bí;

+ Xí nghiệp nước Hồng Gai;

+ Xí nghiệp nước Miền Đông;

+ Xí nghiệp nước Bãi Cháy;

+ Nhà máy nước Diên Vọng;

+ Xí nghiệp nước Đông Triều;hê;

+ Xí nghiệp nước Cẩm Phả;

+ Xí nghiệp nước Vân Đồn;

+ Xí nghiệp nước Quảng Yên;

+ Xí nghiệp xây lắp và dịch vụ Quawaco;

+ Trung tâm Tư vấn Thiết kế Xây dựng Cấp thoát nước.

- Các công ty con, công ty liên kết:

(1) Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập Quảng Ninh

- Địa chỉ: Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
- Vốn điều lệ đăng ký: 6.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 4.752.255.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu tại Công ty: 81,44% vốn điều lệ thực góp Công ty, tương đương giá trị 3.870.255.000 đồng.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh nước sạch  
 Kinh doanh vật tư thiết bị chuyên ngành cấp nước Thi công xây lắp các công trình cấp nước.

#### **4. Định hướng phát triển.**

- Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, phát triển thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển công ty, từng bước đưa công ty phát triển và tăng trưởng bền vững;

- Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật từng ngành quy định, đề nghị các ngành liên quan trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt làm cơ sở thực hiện;

- Thực hiện chủ trương đa ngành, đa nghề. Công ty tập trung nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới mang lại hiệu quả kinh tế cao;

- Đầu tư các dự án trọng điểm để bổ sung nguồn nước, cải tạo và mở rộng hệ thống ống dẫn, ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh.

#### **5. Các rủi ro:**

- Khi nền kinh tế phát triển, các ngành công nghiệp cũng phát triển. Theo đó yêu cầu nước sạch rất cao. Do vậy Công ty sẽ phải cố gắng, nỗ lực rất nhiều trong quá trình hoạt động để đạt được mục tiêu đề ra cũng như để đạt được chỉ tiêu mà UBND tỉnh Quảng Ninh giao.

- Là tỉnh miền núi, địa hình phức tạp, Quảng Ninh có nguồn nước mặt rất hạn chế. Toàn tỉnh không có hệ thống sông lớn nào chảy qua, chỉ có một số sông nhỏ phát sinh trong tỉnh, lưu lượng từ vài chục đến trên dưới 100 m<sup>3</sup>/s, không đủ cấp nước cho nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, nhất là về mùa khô

- Cùng với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, các kỹ thuật tiên tiến sẽ được áp dụng mới vào trong quá trình xử lý nước ... Tuy hiện tại Công ty trình độ của đội ngũ CBCNV chưa cao, sự tiếp thu cũng như áp dụng kỹ thuật sẽ gặp khó khăn. Do vậy nếu không nâng cao trình độ đội ngũ CBCNV thì đây sẽ là nguy cơ của Công ty trong tương lai gần.

## II. Tình hình hoạt động trong năm.

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch phân đầu	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)		
					So với kế hoạch hướng dẫn của Tỉnh	So với kế hoạch phân đầu	So với 2016 (+/-)
1	Sản lượng nước tiêu thụ	1000m <sup>3</sup>	50.506	51.477	101,65	101,92	+ 6,34
	+ Nước sạch	1000m <sup>3</sup>	47.665	48.750		102,28	
	+ Nước thô	1000m <sup>3</sup>	2.842	2.727		95,98	
2	Doanh thu nước máy	Tr.đồng	487.658	503.164	108,13	103,18	+ 8,31
3	Tổng doanh thu cung cấp hàng hoá và dịch vụ	Tr.đồng		517.428			+ 8,8
4	Tỷ lệ thất thoát	%	14,23	14,16	-3,34	-0,07	- 2,87
5	Phát triển khách hàng	Hộ	9.050	9.902		109,41	-11,61
6	Đầu tư mạng ống phân phối	Mét	36.000	52.441		146,6	
7	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	84,72	107,5		126,9	168,5
8	Nộp bảo hiểm xã hội	%	100	100		100	
9	Tiêu thụ nước lọc	Bình	112.500	82.384		73,2	88,8
		Hộp	10.000	12.925		129,3	123,9
10	Kiểm định đồng hồ	Cái	39.143	39.143		100,0	
11	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11	49,6		450,9	+ 23,1
12	Thu nhập bình (người/tháng)	1.000 đồng	7.200	8.366		116,2	+14,4

- **Công tác sản xuất cấp nước:** Công ty đã tập trung nguồn lực thực hiện một số dự án xây dựng hệ thống cấp nước, mạng lưới cấp nước nhằm nâng cao năng lực cấp nước như: Dự án đầu tư tuyến ống D630 nâng công suất chuyển tải và đảm bảo an toàn cấp nước từ nhà máy nước Diễn Vọng về Thành phố Hạ Long, Cẩm Phả; dự án xây dựng hệ thống cấp nước cho xã đảo Hà Nam, thị xã Quảng Yên; Đầu tư hệ thống cấp nước sạch cho nhân dân xã Cộng Hòa, Thành phố Cẩm Phả; ... Bên cạnh đó Công ty thực hiện việc cải tạo lại hệ thống mạng lưới, lắp đặt bổ sung các trạm bơm tăng áp cục bộ, tăng cường công tác điều phối cấp nước, duy trì kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước nhằm đáp ứng thỏa mãn nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

- **Công tác chống thất thoát, thất thu:** Công ty triển khai thực hiện quyết liệt công tác chống thất thoát, tập trung trọng tâm vào chống thất thoát theo vùng, tuyến ống, đầu tư nguồn lực, áp dụng khoa học kỹ thuật, tâm sức để đạt mục tiêu giảm tỷ lệ thất thoát xuống mức thấp nhất. Tỷ lệ thất thoát của Công ty năm 2017 là: 14,16%, giảm 0,34% so với kế hoạch, giảm 2,87% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong năm, có 6 đơn vị hoàn thành kế hoạch thất thoát công ty giao, gồm các đơn vị: XNN Hòn Gai, XNN Bãi Cháy, XNN Quảng Yên, XNN Uông Bí, XNN Đông Triều, XNN Móng Cái. Trong đó, XNN Hòn Gai là đơn vị lớn,

công tác cấp nước phức tạp nhưng đã kiểm soát và duy trì tỷ lệ thất thoát ổn định nhất.

- **Công tác ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất:** Tiếp tục duy trì việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành sản xuất kinh doanh bằng việc thiết kế và đưa vào khai thác các phần mềm chuyên dụng, tiếp tục đầu tư hệ thống giám sát SCADA tại các đơn vị bằng thiết bị do Công ty chế tạo; thực hiện số hóa mạng lưới cấp nước để nâng cao năng lực quản lý điều hành.

- **Về công tác thiết kế, quản lý dự án đầu tư, quản lý kỹ thuật:** Chất lượng công trình được chú trọng, công tác quản lý kỹ thuật tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà nước và Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty. Máy móc thiết bị được kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên, kịp thời sửa chữa khắc phục các sự cố phát sinh để đảm bảo sản xuất. Các thiết bị đo, dụng cụ an toàn, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được kiểm tra theo đúng quy định của Nhà nước. Công tác kiểm tra định kỳ đồng hồ của khách hàng được thực hiện đúng quy định, đảm bảo. Công tác quản lý chất lượng nước được kiểm soát chặt chẽ từ đầu nguồn, quy trình xử lý, trên tuyến mạng và đến các hộ tiêu dùng. Công tác thau rửa các đường ống được thực hiện thường xuyên để đảm bảo chất lượng nước.

- **Công tác an toàn – vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ:** luôn được chú ý và kiểm tra thường xuyên, trong năm 2017 không xảy ra vụ tai nạn lao động nào.

## 2. Tổ chức và nhân sự.

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Bùi Tiến Thanh	Quyền Tổng Giám Đốc
2	Ông Trịnh Văn Bình	Phó Tổng Giám Đốc
3	Ông Nguyễn Văn Thọ	Phó Tổng Giám Đốc
4	Ông Vũ Văn Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc (Bỏ nhiệm tháng 2/2017)
5	Bà Phạm Ngọc Kim	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 15/6/2017)
6	Bà Tô Thị Hằng Nga	Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm ngày 15/6/2017)

**- Lý lịch Ông Bùi Tiến Thanh - Q. Tổng giám đốc**

Họ và tên : Bùi Tiến Thanh  
Số CMND : 100819371  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 14/02/1961  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : Tổ 78 Khu 5 Phường Bạch Đằng, TP Hạ Long, Quảng Ninh  
Chỗ ở hiện tại : Tổ 78 Khu 5 Phường Bạch Đằng, TP Hạ Long, Quảng Ninh  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng chuyên ngành Cấp thoát nước  
Quá trình công tác :  
**Thời gian : Quá trình công tác**  
*Từ tháng 9/1984 đến tháng 04/1989 : Kỹ sư thiết kế - Viện quy hoạch và thiết kế kiến trúc Quảng Ninh.*  
*Từ tháng 05/1989 đến tháng 05/1991 : Lao động hợp tác quốc tế tại Liên Xô (cũ).*  
*Từ tháng 06/1991 đến tháng 07/1999 : Kỹ sư thiết kế - Viện quy hoạch và thiết kế kiến trúc Quảng Ninh.*  
*Từ tháng 08/1999 đến tháng 12/2002 : Phó giám đốc Ban quản lý Dự án, Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh.*  
*Từ tháng 01/2003 đến tháng 07/2004 : Giám đốc Ban quản lý dự án - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh.*  
*Từ tháng 8/2004 đến tháng 8/2010 : Phó giám đốc Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh.*  
*Từ tháng 09/2010 đến tháng 12/2016 : Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH ITV kinh doanh nước sạch Quảng Ninh (ngày 01/01/2014 chuyển đổi thành Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh).*  
*Từ tháng 09/2010 đến tháng 12/2013 : Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH ITV kinh doanh nước sạch Quảng Ninh.*  
*Từ tháng 01/2014 đến tháng 12/2016 : Phó Chủ tịch HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.*  
*Từ tháng 01/2017 đến nay : Phó Chủ tịch HĐQT, Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.*  
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Chủ tịch HĐQT, Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không  
 Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 Cổ phần  
 Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 29.800 Cổ phần  
 Số cổ phần của người có liên quan : 1.200 Cổ phần  
 Họ tên người có liên quan (1) : Bùi Thị Hạnh  
 Quan hệ : Em gái  
 Số cổ phần nắm giữ : 700 Cổ phần  
 Họ tên người có liên quan (2) : Bùi Thị Hải  
 Quan hệ : Em gái  
 Số cổ phần nắm giữ : 500 Cổ phần  
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không  
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao TV HĐQT, Lương Tổng Giám đốc  
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**- Lý lịch Ông Trịnh Văn Bình – Phó tổng giám đốc**

Họ và tên : Trịnh Văn Bình  
 Số CMND : 100494474 Ngày cấp: 22/3/2013 Nơi cấp: CA. Quảng Ninh  
 Giới tính : Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 04/03/1971  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Địa chỉ thường trú : Tổ 3A Khu 2 Phường Hồng Hà, TP Hạ Long, Quảng Ninh  
 Chỗ ở hiện tại : Tổ 3A Khu 2 Phường Hồng Hà, TP Hạ Long, Quảng Ninh  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh  
 Quá trình công tác :  
**Thời gian** : **Quá trình công tác**  
 Từ tháng 03/1990 đến tháng : Tham gia nghĩa vụ quân sự tại Bộ chỉ huy

12/1993	Quân sự tỉnh Quảng Ninh.
Từ tháng 01/1994 đến tháng 07/1996	Nhân viên Thủ kho, Xí nghiệp Nước Hồng Gai - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh.
Từ tháng 08/1996 đến tháng 11/2000	Nhân viên Kẹp chì, Phòng Kinh doanh - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh.
Từ tháng 12/2000 đến tháng 12/2002	Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh.
Từ tháng 01/2003 đến tháng 02/2003	Phó phòng Tổ chức Hành chính - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh.
Từ tháng 03/2003 đến tháng 10/2010	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh (chuyển đổi thành Công ty TNHH ITV kinh doanh nước sạch Quảng Ninh).
Từ tháng 11/2010 đến tháng 12/2013	Phó tổng giám đốc Công ty TNHH ITV kinh doanh nước sạch Quảng Ninh).
Từ tháng 01/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đại diện sở hữu	0 Cổ phần
Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	27.200 Cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	2.800 Cổ phần
Họ tên người có liên quan (1)	Nguyễn Thị Lan
Quan hệ	Vợ
Số cổ phần nắm giữ	2.000 cổ phần
Họ tên người có liên quan (2)	Trịnh Văn Quang
Quan hệ	Em trai
Số cổ phần nắm giữ	800 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích	Thù lao HĐQT, lương Phó Tổng Giám đốc

khác

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**- Lý lịch Ông Nguyễn Văn Thọ - Phó tổng giám đốc**

Họ và tên : Nguyễn Văn Thọ  
Số CMND : 101076259 Ngày cấp: 14/05/2007 Nơi cấp: CA. Quảng Ninh

Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 29/6/1959  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : Tổ 1 Khu 4 Phường Hồng Hà, TP Hạ Long, Quảng Ninh

Chỗ ở hiện tại : Tổ 1 Khu 4 Phường Hồng Hà, TP Hạ Long, Quảng Ninh

Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh  
Quá trình công tác :

**Thời gian : Quá trình công tác**

*Từ tháng 05/1980 đến tháng 04/1984 : Nhân viên Kỹ thuật, Xí nghiệp Nước Bãi Cháy - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh*

*Từ tháng 05/1984 đến tháng 03/2000 : Phó giám đốc Xí nghiệp Nước Mạo Khê - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh.*

*Từ tháng 04/2000 đến tháng 07/2005 : Giám đốc Xí nghiệp Nước Cẩm Phả - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh.*

*Từ tháng 8/2005 đến tháng 05/2007 : Giám đốc Xí nghiệp Nước Hồng Gai - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh.*

*Từ tháng 06/2007 đến tháng 12/2013 : Phó giám đốc Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh (chuyển đổi thành Phó tổng giám đốc Công ty TNHH ITV kinh doanh nước sạch Quảng Ninh).*

*Từ tháng 01/2014 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.*

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty  
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không  
Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 00 Cổ phần

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 25.200 Cổ phần  
Số cổ phần của người có liên quan : 1.500 Cổ phần  
Họ tên người có liên quan (1) : Nguyễn Thị Ý  
Quan hệ : Em gái  
Số cổ phần nắm giữ : 2.500 Cổ phần  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không  
Các khoản nợ đối với Công ty : Không  
Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT, lương Phó Tổng Giám đốc  
Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**- Lý lịch Ông Vũ Văn Tuấn – Phó tổng giám đốc**

Họ và tên : Vũ Văn Tuấn  
Số CMND : 100667233 Ngày cấp: 26/8/2003 Nơi cấp: CA.Quảng Ninh  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 20/4/1976  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh  
Chỗ ở hiện tại : Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Điện, Kỹ sư Cấp thoát nước  
Quá trình công tác :  
**Thời gian** : **Quá trình công tác**  
*Từ tháng 09/2000 đến tháng 03/2004* : *Nhân viên Phòng Kỹ thuật - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh*  
*Từ tháng 04/2004 đến tháng 11/2006* : *Phó phòng Kỹ thuật - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh*  
*Từ tháng 12/2006 đến tháng 08/2012* : *Trưởng phòng Cơ điện - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh (năm 2010 chuyển đổi thành Công ty TNHH ITV kinh doanh nước sạch Quảng Ninh).*  
*Từ tháng 09/2012 đến tháng 12/2013* : *Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư, Công ty TNHH ITV kinh doanh nước sạch Quảng Ninh.*

Từ tháng 01/2014 đến tháng 01/2015 : Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư, Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh.

Từ tháng 03/2015 đến tháng 08/2016 : Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh.

Từ tháng 09/2016 đến tháng 01/2017 : Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Xí nghiệp Nước Bã Cháy, Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh.

Từ tháng 02/2017 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 Cổ phần

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 22.200 Cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan : 0. Cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

- Lý lịch Bà Tô Thị Hằng Nga – Kế toán trưởng

Họ và tên : Tô Thị Hằng Nga

Số CMND : 100989635 Ngày cấp: 05/03/2012  
Nơi cấp: CA. Quảng Ninh

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 20/09/1972

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Tổ 3 Khu 6B Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh

Chỗ ở hiện tại : Tổ 3 Khu 6B Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành tài chính  
 Quá trình công tác  
**Thời gian** **Quá trình công tác**  
 Từ tháng 4/1992 đến tháng 12/1993 : Nhân viên Nhà nghỉ Xây dựng - Sở Xây dựng Quảng Ninh.  
 Từ tháng 01/1994 đến tháng 03/2004 : Nhân viên Kế toán - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh.  
 Từ tháng 04/2004 đến tháng 07/2017 : Phó phòng Kế toán Tài chính - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh (chuyển đổi thành Công ty TNHH ITV kinh doanh nước sạch Quảng Ninh, ngày 01/01/2014 chuyển đổi thành Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh).  
 Từ tháng 08/2017 đến nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.  
 Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng  
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không  
 Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 Cổ phần  
 Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 12.000 Cổ phần  
 Số cổ phần của người có liên quan : 0 Cổ phần  
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không  
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Lương  
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**- Những thay đổi trong ban điều hành:**

- + Ngày 06/2/2017: Bổ nhiệm ông Vũ Văn Tuấn làm Phó Tổng giám đốc theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐQT ngày 02/02/2017 của Hội đồng quản trị.
- + Ngày 15/6/2017: Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với Bà Phạm

Ngọc Kim theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐQT ngày 14/6/2017 của Hội đồng quản trị (Lý do: Nguyễn vọng cá nhân).

+ Ngày 03/8/2017: Bổ nhiệm bà Tô Thị Hằng Nga làm Kế toán trưởng theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐQT ngày 02/8/2017 của Hội đồng quản trị.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2017

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng số</b>	<b>1.436</b>	<b>100</b>
<b>1. Phân theo trình độ lao động</b>		
- Đại học và trên Đại học	510	35,52
- Cao đẳng và Trung cấp	429	29,87
- Số lao động đã qua đào tạo tại trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề và đào tạo sơ cấp	497	34,61
<b>2. Phân theo giới tính</b>		
- Nam	800	55,71
- Nữ	636	44,29

**- Tóm tắt chính sách:**

Tại Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh, nguồn lực con người được xem là yếu tố trọng tâm và từng bước được hoàn thiện công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách lương, thưởng, trợ cấp... cho người lao động luôn được xem xét và giải quyết thỏa đáng, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

Công ty cũng đã thực hiện triển khai phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác quy hoạch cán bộ, tuyển dụng cán bộ có trình độ chuyên môn cao, qua đào tạo đảm bảo hội tụ những yêu cầu về trình độ học vấn, năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, khả năng làm việc theo nhóm, làm việc theo quy trình công việc phù hợp với các chức danh cần tuyển, ưu tiên tuyển dụng chuyên gia có trình độ cao trong các lĩnh vực nước sạch.

**+ Chính sách đào tạo:**

Công ty có chính sách đào tạo cán bộ nhân viên hằng năm nhằm đáp ứng với tốc độ phát triển của nền kinh tế và của Công ty. Đặc biệt, chú trọng đào tạo cán bộ nhân viên có trình độ cao về kỹ năng quản lý, vận hành thiết bị, đào tạo nhân viên theo từng cấp độ phù hợp với lộ trình phát triển của nhân viên.

Đảm bảo chính sách đãi ngộ cho người lao động công khai, minh bạch, công bằng, chính sách lương, thưởng gắn liền với hiệu quả công việc nhằm tạo động lực để người lao động sáng tạo trong công việc, gắn bó lâu dài với công ty, nâng cao tinh thần trách nhiệm và tạo tinh thần thi đua học hỏi, không bình quân chủ nghĩa, đa dạng hóa hình thức đãi ngộ và mở rộng đối tượng đãi ngộ liên quan đến người lao động có chuyên môn giỏi, trình độ cao.

+ *Chính sách lương, thưởng:*

Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý. Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người.

Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, chế độ tiền lương, tiền phép...

Tiền thưởng được thực hiện vào cuối năm. Công ty thưởng cho người lao động theo mức độ hoàn thành công việc của người lao động nhằm khuyến khích người lao động phấn đấu hoàn thành tốt công việc được giao theo chức năng, nhiệm vụ (Tùy vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm, tính chất đặc thù công việc Công ty sẽ quyết định cụ thể cho từng bộ phận). Ngoài ra căn cứ vào quỹ tiền thưởng hiện có, Công ty sẽ trích thưởng cho người lao động vào các dịp lễ, tết và thưởng đột xuất cho người lao động có những thành tích xuất sắc trong công việc được giao.

+ *Chính sách phúc lợi:*

Công ty luôn thực hiện trang bị đầy đủ dụng cụ an toàn, bảo hộ cho người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% cán bộ công nhân viên trong Công ty. Ngoài các chế độ bảo hiểm theo quy định (BHXH, BHYT, BHTN,...), Công ty còn thực hiện mua thêm bảo hiểm thân thể cho người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên quan tâm đến gia đình của người lao động, như tặng quà, khen thưởng con em người lao động đạt thành tích cao trong học tập.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.**

#### **a) Các khoản đầu tư lớn:**

**- Các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng:**

Công tác quản lý dự án được thực hiện theo đúng quy định của Luật xây dựng, Luật đấu thầu và các Nghị định của Chính phủ về quản lý dự án. Các dự án được thực hiện theo đúng trình tự đầu tư.

Các dự án, công trình dở dang từ năm trước chuyển sang với giá trị khối lượng thực hiện là 41.402 triệu đồng (theo số liệu tại Báo cáo giám sát của Công ty năm 2016), đến năm 2017 về cơ bản đã được hoàn thành. Giá trị khối lượng thực hiện các dự án trong năm 2017 là 180.236 triệu đồng.

**- Các dự án đang triển khai:**

Một số dự án trọng điểm đang triển khai:

+ Dự án: Đầu tư tuyến ống D630 nâng công suất chuyển tải và đảm bảo an toàn cấp nước từ Nhà máy nước Diên Vọng về Thành phố Hạ Long, Cẩm Phả, tổng mức đầu tư: 53.075 triệu đồng. Công trình bắt đầu thực hiện triển khai vào

tháng 08/2017 và dự kiến hoàn thành trong quý I/2018.

+ Dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước cho xã đảo Hà Nam – thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh với tổng mức đầu tư: 95.453 triệu đồng. Công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2018.

+ Dự án: Xây dựng trạm bơm, hồ chứa nước thô tại xã Liên Hòa, Quảng Yên, với tổng mức đầu tư: 56.858 triệu đồng. Công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2018.

+ Dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho nhân dân xã Cộng Hòa, thành phố Cẩm Phả, tổng mức đầu tư: 23.139 triệu đồng. Công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2018.

+ Dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho nhân dân xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả, tổng mức đầu tư: 28.164 triệu đồng, Công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2018.

#### **b) Các công ty con, công ty liên kết:**

Khoản góp vốn thành lập Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập nhằm mục đích đầu tư xây dựng Nhà máy nước Yên Lập với số vốn cam kết góp là 3.060.000.000 VNĐ, tương đương 51% vốn điều lệ của Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết theo vốn thực góp tại ngày 31/12/2017 là 81%. Ngày 29/01/2013, UBND tỉnh Quảng Ninh đã có quyết định số 312/QĐ-UBND thu hồi 40.660,6m<sup>2</sup> đất dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước Yên Lập và Công ty này đã dừng hoạt động. Thực hiện kiến nghị của Thanh tra Bộ Tài chính tại Kết luận Thanh tra số 413/KL-TTr ngày 15/7/2014 về việc Thanh tra chấp hành pháp luật về giá và tài chính thời kỳ 2013 và 04 tháng năm 2014. Công ty đã làm việc với Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE ) đơn vị góp 882.000.000 đồng, chiếm 18,56% vốn chủ sở hữu, để thỏa thuận mua lại phần vốn góp, nhằm chuyển đổi mô hình hoạt động và sử dụng lại các tài sản đã được Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập đầu tư phục vụ cho sản xuất tại NMN Yên Lập hiện tại.

Ngày 12/12/2017, VIWASE đã có Thông báo số 07/TB-VIWASE về việc chuyển nhượng phần vốn Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam tại Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập cho Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh với giá chuyển nhượng bằng hệ số 1,2 lần vốn đầu tư thực góp của VIWASE tại Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập tương ứng số tiền là: 1.058.400.000 đồng. Căn cứ Thông báo của VIWASE, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và thống nhất chủ trương, báo cáo UBND tỉnh (Chủ sở hữu nhà nước, nắm giữ 95,16% vốn điều lệ). Ngày 13/3/2018, UBND tỉnh đã có Thông báo số 1415/UBND-TM3 về việc mua lại phần vốn góp của đối tác tại Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập; trong đó giao người đại diện vốn nhà nước tại Công ty, phối hợp với HĐQT Công ty đã thực hiện việc thu hồi tài sản góp vốn (giải thể, chuyển nhượng vốn góp hoặc mua lại vốn góp của đối tác,...). Hiện Công ty đã tiếp tục làm việc với Sở Tài chính, VIWASE để xác định giá trị nhận chuyển nhượng phần vốn tại Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập.

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài chính.

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
1. Tổng giá trị tài sản	999.515.978.716	995.645.849.951	-0,39
2. Doanh thu thuần	475.424.361.311	517.427.713.381	8,83
4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	39.810.504.817	50.014.626.386	25,63
5. Lợi nhuận khác	450.758.412	(410.022.812)	\
6. Lợi nhuận trước thuế	40.261.263.229	49.604.603.574	23,21
7. Lợi nhuận sau thuế	32.438.412.763	39.928.737.845	23,09

- Các chỉ tiêu khác:

+ Sản lượng sản xuất nước máy: 57.091.821 m<sup>3</sup>, đạt 100,7% so với kế hoạch; tăng 3,95% so với lũy kế cùng kỳ năm 2016.

+ Sản lượng tiêu thụ nước máy và nước thô: 51.477.985 m<sup>3</sup>, đạt 101,92% so với kế hoạch; tăng 6,34% so với lũy kế cùng kỳ năm trước.

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,69	0,45
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0,55	0,32
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	44,69	44,37
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	80,81	79,75
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	13,55	14,56
+ Doanh thu thuần/Tổng TSBQ	Lần	0,50	0,52
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,82	7,72
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,10	7,22 <sup>v</sup>
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,39	4,00
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	8,37	9,67

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

### a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 40.295.178 cổ phần.  
Trong đó: + Cổ phần phổ thông: 40.295.178 cổ phiếu.  
+ Cổ phần ưu đãi (biểu quyết/cổ tức/hoàn lại): 00 cổ phiếu.
- Tổng số cổ phần đã đăng ký: 40.295.178 cổ phiếu  
Trong đó: + Cổ phần phổ thông: 40.295.178 cổ phiếu.  
+ Cổ phần ưu đãi (biểu quyết/cổ tức/hoàn lại): 00 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 39.988.378 cổ phiếu (chiếm 99,24% chứng khoán đăng ký)
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện (hạn chế chuyển nhượng): 306.800 cổ phần (chiếm 0,76% chứng khoán đăng ký, đối tượng chuyển nhượng có điều kiện là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát).

### b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	982	40.295.178	100%
1.1	Tổ chức	02	38.424.178	95,36%
1.2	Cá nhân	980	1.871.000	4,64%
2	Cổ đông nước ngoài	00	00	00%
3	Cổ phiếu quỹ	00	00	00%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>982</b>	<b>40.295.178</b>	<b>100%</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.

Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh là đơn vị duy nhất thực hiện việc xử lý và cung cấp nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, nên giữ một vai trò đặc biệt quan trọng.

Quá trình hoạt động Công ty luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo môi trường và thực hiện trách nhiệm với xã hội, trách nhiệm với Nhà nước; tôn trọng quyền lợi của cổ đông, đối tác, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### a) Đánh giá kết quả hoạt động.

Năm 2017, mặc dù sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, do thị trường nguyên nhiên vật liệu đầu vào có nhiều biến động, tình hình thiên tai,

diễn biến thời tiết bất thường. Nhưng dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy - HĐQT - Ban điều hành Công ty, cùng sự vào cuộc tích cực của các phòng ban, đơn vị, tập thể cán bộ công nhân viên đã đoàn kết, thực hiện hoàn thành thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra: Sản lượng tăng 6,34%, doanh thu tăng 8,31% so với năm 2017; Nộp ngân sách nhà nước đạt 107,5 tỷ đồng. Các dự án đầu tư phát triển, nâng cao năng lực cấp nước đã phát huy hiệu quả tốt góp phần tích cực thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển. Giải quyết được việc làm, đảm bảo đời sống, thu nhập ổn định cán bộ, công nhân viên lao động. An ninh trật tự, an toàn trong Công ty được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể được duy trì thường xuyên đã phát huy tích cực và tăng sự đoàn kết nhất trí trong toàn Công ty.

**b) Những tiến bộ công ty đã đạt được.**

Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong điều kiện giá nước chưa được điều chỉnh; đảm bảo duy trì tỷ lệ người dân đô thị trong địa bàn tỉnh được cung cấp nước sạch xấp xỉ 95%.

Nhiều giải pháp đồng bộ được triển khai mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho đơn vị về doanh thu tiền nước, lợi nhuận trước thuế,...

Công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng đang được tích cực triển khai, Công ty đã thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ giải quyết các thủ tục liên quan đến dịch vụ cấp nước cho người dân tại Trung tâm hành chính công các cấp.

Công ty duy trì việc chỉ đạo điều hành sản xuất và các hoạt động khác trong toàn công ty được thực hiện thông qua văn phòng điện tử, đảm bảo thông tin được truyền đạt một cách nhanh chóng, phục vụ kịp thời SXKD và các hoạt động của Công ty.

Trong năm Công ty đã đầu tư lắp đặt được 102 điểm giám sát lưu lượng, áp lực từ xa, nâng tổng số điểm giám sát toàn Công ty lên 243 điểm. Hệ thống số hóa đã được hoàn thành tại các đơn vị phục vụ kịp thời SXKD và các hoạt động của Công ty.

**2. Tình hình tài chính.**

**a) Tình hình tài sản.**

*Đơn vị tính: Đồng*

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/ Nguyên giá
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>1.715.245.615.345</b>	<b>775.883.915.401</b>	<b>45,23</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	486.642.380.421	284.249.408.979	58,41
Máy móc, thiết bị	211.365.193.986	69.659.662.294	32,96
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.015.463.167.885	421.294.902.591	41,49
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.774.873.053	679.941.537	38,31

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/ Nguyên giá
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>4.970.450.747</b>	<b>2.294.576.840</b>	<b>46,16</b>
Quyền sử dụng đất	31.051.000	31.051.000	100,00
Quyền phát hành	90.000.000	-	0,00
Phần mềm máy vi tính	1.481.799.271	94.509.765	6,38
Giấy phép và giấy nhượng quyền	1.812.041.385	956.703.619	52,80
TSCĐ vô hình khác	1.555.559.091	1.212.312.456	77,93
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.720.216.066.092</b>	<b>778.178.492.241</b>	<b>45,24</b>

- Phân Giá trị còn lại cuối năm 2017 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 266.339.660.120 đồng;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm 2017 đã khấu hao hết còn sử dụng: 330.444.675.725 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm 2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 1.308.401.544 đồng.

#### b) Tình hình nợ phải trả.

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>212.416.795.135</b>	<b>214.108.940.187</b>
Phải trả cho người bán	88.592.266.751	103.270.896.654
Người mua trả tiền trước	2.532.417.054	1.839.714.858
Thuế và các khoản phải nộp cho NN	10.139.130.949	13.294.379.836
Phải trả cho người lao động	56.681.279.119	63.490.082.327
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.747.709.956	1.798.815.751
Phải trả ngắn hạn khác	1.131.059.656	4.162.839.205
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	33.637.569.581	24.385.123.552
Quỹ khen thưởng phúc lợi	17.955.362.069	1.867.088.004
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>234.302.611.349</b>	<b>227.631.930.612</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	234.302.611.349	227.631.930.612
<b>Tổng cộng</b>	<b>446.719.406.484</b>	<b>441.740.870.799</b>

- **Nợ xấu:** Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi của Công ty:

Đơn vị: Đồng

Đơn vị	31/12/2016		31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Thép Cái Lân	69.609.000	-	69.609.000	-
Trung tâm phát triển quỹ đất Hoàn Bò	79.454.000	-	79.454.000	-
CTCP Tư vấn và Xây dựng Thủy lợi Quảng Ninh	-	-	143.100.000	-
Viện Quy hoạch và Thiết kế Xây dựng Quảng Ninh	-	-	55.846.000	-
Các công ty khác	269.596.482	81.417.600	276.748.307	81.417.600
<b>Tổng</b>	<b>418.659.482</b>	<b>81.417.600</b>	<b>624.757.307</b>	<b>81.417.600</b>

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty đã triển khai nhiều giải pháp nhằm cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng như: đưa việc tiếp nhận hồ sơ, thủ tục liên quan đến dịch vụ cấp nước vào tiếp nhận tại các Trung tâm Hành chính công, sử dụng dịch vụ công mức độ 3 trên Internet, mở thêm các kênh thanh toán qua ngân hàng, thiết lập đường dây nóng 24/7 để tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi từ khách hàng.

Tiếp tục ứng dụng SCADA trong điều hành mạng lưới cấp nước; trong năm Công ty đã đầu tư lắp đặt bổ sung 102 điểm giám sát lưu lượng, áp lực từ xa, nâng tổng số điểm giám sát toàn Công ty lên 243 điểm. Hệ thống số hóa đã được hoàn thành tại các đơn vị phục vụ kịp thời SXKD và các hoạt động của Công ty.

### 4. Kế hoạch định hướng trong năm 2018.

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Sản lượng nước tiêu thụ	1.000 m3	53.160	
	++ Nước sạch	1000m3	50.270	
	++ Nước thô	1000m3	2.920	
2	Doanh thu nước máy (trước thuế)	1.000 đồng	517.345	
	++ Nước sạch	1.000 đồng	514.134	
	++ Nước thô	1.000 đồng	3.211	

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
3	Phát triển khách hàng	Hộ	10.220	
4	Tỷ lệ thất thoát	%	14	
5	Điện năng tiêu thụ	Kwh	29.695.314	
	- Điện sinh hoạt + chiếu sáng	Kwh	628.000	
	- Điện sản xuất	Kwh	29.067.314	
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	110	
7	Lợi nhuận	Tỷ đồng	53.299	
8	Tiêu thụ nước lọc	Bình	90.000	
		Hộ	12.000	
9	Kiểm định đồng hồ	Cái	33.120	

### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

- Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC như sau: “Ngày 02/12/2016, Công ty đã nhận lại tài sản góp vốn vào Công ty cổ phần Hỗ trợ và Dịch vụ Quawaco là hệ thống dẫn nước đập Đá Bạch với nguyên giá là 16.449.417.486 đồng. Giá trị này được xác định căn cứ theo giá trị được định giá tại thời điểm mang đi góp vốn. Công ty không định giá lại tài sản mà sử dụng nguyên giá này để tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Giá trị khấu hao đã được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 là 137.078.480 đồng, năm 2017 là 1.644.941.749 đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thu thập đủ bằng chứng để có thể xác định được giá trị hợp lý của những tài sản này tại thời điểm bàn giao và ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

- Ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại BCTC hợp nhất năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC như sau: Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”

### - Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Căn cứ biên bản cuộc họp cổ đông ngày 18/11/2016 do Ông Lý Hùng Phi - Giám đốc Công ty cổ phần hỗ trợ dịch vụ Quawaco chủ trì, đánh giá chung về khó khăn vướng mắc và thực trạng hoạt động của Công ty từ khi hoạt động đến nay là không có hiệu quả. Các cổ đông thảo luận tham gia ý kiến nhất trí dừng

thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nâng công suất đập Đá Bạc từ 10.000m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, hoàn trả lại cho các cổ đông góp vốn.

Tại biên bản hoàn trả tài sản tham gia góp vốn ngày 02/12/2016, Công ty đã nhận lại tài sản góp vốn vào Công ty CP Hỗ trợ và dịch vụ Quawaco là hệ thống dẫn nước đập Đá Bạc với nguyên giá là 16.449.417.486 đồng. Giá trị này được xác định căn cứ theo giá trị được định giá tại thời điểm mang đi góp vốn.

Hiện nay, Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh đang sử dụng lại tài sản này để khai thác bổ sung nguồn nước thô cho sản xuất của NMN Diễn Vọng, đồng thời Công ty đã sử dụng nguyên giá để khấu hao, tính toán vào chi phí sản xuất 2017. Chúng tôi cam kết rằng giá trị tài sản ghi nhận là phù hợp với thực trạng tại thời điểm nhận hoàn trả.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.**

Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, bám sát theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Công ty có nhiều biện pháp tích cực trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ và có kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn, nhờ đó Công ty đạt được hầu hết các chỉ tiêu đề ra.

Công tác tài chính, kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đều được Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị xem xét quyết định dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát.

Việc công bố thông tin tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

Công ty đã ý thức được việc đầu tư nâng cao chất lượng phục vụ, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty.**

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện công tác điều hành theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ nhằm hoàn thành chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao. Chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành; đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.**

Năm 2018, ngoài việc thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy chế, quy định quản trị khác, HĐQT Công ty sẽ tập trung vào những kế hoạch, định hướng sau:

- Tập trung chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 đã được Hội đồng cổ đông thông qua.

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính của Công ty an toàn, hiệu quả. Thực hiện kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty.

- Chỉ đạo tập trung triển khai các dự án trọng tâm của Công ty để đảm bảo tiến độ kế hoạch; nâng cao năng lực cấp nước của Công ty.

- Tập trung hoàn thiện mô hình quản trị của Công ty để đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ liên quan đến chuyển nhượng phần vốn nhà nước tại Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán; đảm bảo đúng các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi cho tất cả các cổ đông của Công ty.

## V. Quản trị công ty.

### 1. Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh có 07 (bảy) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trong cơ cấu Hội đồng quản trị gồm có:

- 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 06 (sáu) Ủy viên Hội đồng quản trị

### Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty:

TT	Họ tên	Chức danh HĐQT	Cổ phần trực tiếp sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ % VĐL	Số lượng	Tỷ lệ % VĐL	
1	Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch HĐQT	9.800	0,002	38.344.178	95,16	
2	Bùi Tiến Thanh	PCT HĐQT,	29.800	0,007			
3	Trịnh Văn Bình	Thành viên HĐQT	27.200	0,007			
4	Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT	25.200	0,006			
5	Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT	41.200	0,010			
6	Vũ Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	22.200	0,006			
7	Hoàng Ngọc Hà	Thành viên HĐQT	21.300	0,005			

**b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, trong năm HĐQT đã thực hiện chức năng quản trị, giám sát, định hướng và chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty. HĐQT đã giao nhiệm vụ cho từng thành viên để chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành. Năm 2017, HĐQT đã chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

Trong năm 2017, HĐQT đã có 07 phiên họp và 03lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, quyết định những nội dung quan trọng sau đây:

**\* Các cuộc họp HĐQT:**

Phiên họp ngày	Thành viên tham gia	Nội dung quyết nghị
02/2/2017	07/07 thành viên	Thông qua việc bổ nhiệm Ông Vũ Văn Tuấn - làm Phó tổng giám đốc Công ty;
30/3/2017	07/07 thành viên	Thông qua việc quyết toán Quỹ tiền lương của Ban điều hành Công ty và Quỹ lương của Người lao động năm 2016
05/4/2017	07/07 thành viên	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Thông qua việc giải thể Chi nhánh: Xí nghiệp Dịch vụ Quawaco và thành lập Chi nhánh: Xí nghiệp Xây lắp và Dịch vụ Quawaco.</li><li>2. Thông qua việc điều động và bổ nhiệm Ông Nguyễn Mạnh Cường - Giám đốc XNN Vân Đồn làm Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp và Dịch vụ Quawaco.</li><li>3. Thông qua việc bổ nhiệm Ông Phạm Trần Thái làm Phó giám đốc Xí nghiệp Xây lắp và Dịch vụ Quawaco.</li><li>4. Thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Mạnh Hùng làm Phó giám đốc Xí nghiệp Xây lắp và Dịch vụ Quawaco.</li><li>5. Thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Công Huy làm Giám đốc XNN Vân Đồn.</li><li>6. Thông qua quyết định về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.</li></ol>
14/6/2017	06/07 thành viên (Vắng ông Vũ Văn Tuấn)	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Thông qua chương trình và các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.</li><li>2. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với bà Phạm Ngọc Kim theo nguyện vọng cá nhân.</li><li>3. Thông qua việc giới thiệu bà Nguyễn Thị Thanh để Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung làm thành viên HĐQT.</li></ol>

		<p>4. Thông qua việc đề nghị miễn nhiệm các thành viên Ban Kiểm soát và giới thiệu nhân sự để bầu kiện toàn Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020.</p> <p>5. Thông qua việc giới thiệu bà Tô Thị Hằng Nga - PP KTTC để làm quy trình bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.</p>
11/9/2017	07/07 thành viên	Thông qua việc đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
26/9/2017	07/07 thành viên	<p>1. Thông qua quyết định phân chia Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thực hiện chi thưởng cho người lao động có thành tích trong công tác giai đoạn 2013 - 2016.</p> <p>2. Thông qua việc sử dụng Quỹ phúc lợi của Công ty.</p>
12/10/2017	07/07 thành viên	1. Thông qua quyết định lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

**\* Các lần lấy ý kiến bằng văn bản:**

Ngày lấy ý kiến	Thành viên Cho ý kiến	Nội dung quyết nghị
09/2/2017	07/07 thành viên	<p>1. Thông qua việc điều động và bổ nhiệm ông: Trần Hùng Cường, Giám đốc XNN Móng Cái làm Giám đốc XNN Bãi Cháy;</p> <p>2. Thông qua việc bổ nhiệm bà Vũ Thị Phương làm Phó phòng KTTC;</p> <p>3. Thông qua bổ nhiệm Ông Nguyễn Đức Thọ làm Quyền Giám đốc XNN Móng Cái.</p>
08/3/2017	07/07 thành viên	1. Thông qua việc bổ nhiệm ông: Hoàng Minh Hải, làm Phó giám đốc XNN Móng Cái.
02/8/2017	07/07 thành viên	1. Thông qua việc bổ nhiệm Tô Thị Hằng Nga - Phó phòng Kế toán Tài chính để làm Kế toán trưởng Công ty..

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:**

Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

**e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không.**

**f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:** Trong năm Công ty chưa thực hiện việc đào tạo về quản trị cho các thành viên HĐQT.

## 2. Ban Kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

TT	Họ tên	Chức danh Ban kiểm soát	Cổ phần trực tiếp sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ % VDL	Số lượng	Tỷ lệ % VDL	
1	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Trưởng Ban	38.100	0,0095			
2	Phạm Duy Hiếu	Thành viên	300	0,0001			
3	Lưu Thị Hiền	Thành viên	600	0,0001			

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra, giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cụ thể:

+ Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành theo các quy định của pháp luật và của Công ty.

+ Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

+ Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017 thông qua các báo cáo kết quả công việc hàng; Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông năm 2017, việc chấp hành điều lệ Công ty, pháp luật nhà nước với HĐQT, Ban điều hành, Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ năm 2017.

+ Thẩm tra Báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Nhà nước.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

#### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

##### \* Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 07 người.

- Mức chi trả thù lao:

+ Chủ tịch HĐQT: Hưởng lương chuyên trách theo Quy chế trả lương trả thưởng của Công ty và thù lao người đại diện vốn nhà nước theo quy định: 4.050.000 đồng/tháng.

+ Các thành viên HĐQT : 2.160.000 đồng/người/tháng.

**\* Ban Kiểm soát :**

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát : 03 người.

- Mức chi trả thù lao (hưởng lương hàng tháng):

+ Trưởng ban kiểm soát: Hưởng lương chuyên trách theo Quy chế trả lương trả thưởng của Công ty.

+ Các thành viên: Hưởng lương hàng tháng theo bậc nhân viên kinh tế tại Quy chế trả lương trả thưởng của Công ty (*do bố trí chuyên biệt, không kiêm nhiệm công tác khác nên không được hưởng thêm thù lao*).

- Trong năm Công ty chưa thực hiện phân phối tiền thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không.

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không

**d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

**VI. Báo cáo tài chính.**

**1. Ý kiến kiểm toán:**

Trích Văn bản số 190318.003/BCTC.KT1 ngày 19/3/2018 của Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh (*đính kèm*):

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:**

“Ngày 02/12/2016, Công ty đã nhận lại tài sản góp vốn vào Công ty cổ phần Hỗ trợ và Dịch vụ Quawaco là hệ thống dẫn nước đập Đá Bạch với nguyên giá là 16.449.417.486 đồng. Giá trị này được xác định căn cứ theo giá trị được định giá tại thời điểm mang đi góp vốn. Công ty không định giá lại tài sản mà sử dụng nguyên giá này để tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Giá trị khấu hao đã được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 là 137.078.480 đồng, năm 2017 là 1.644.941.749 đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thu thập đủ bằng chứng để có thể xác định được giá trị hợp lý của những tài sản này tại thời điểm bàn giao và ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:**

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Đính kèm theo Báo cáo này, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

### Nơi nhận

- Ủy ban CKNN (báo cáo);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT, TK1.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Văn Thanh

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ✓	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập ✓	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán ✓	06 - 34
Bảng cân đối kế toán ✓	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ✓	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ ✓	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính ✓	10 - 34

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nước sạch Quảng Ninh (tiền thân là Công ty Thi công và Cấp nước Quảng Ninh) theo giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5700100104 ngày 31/12/2013 và thay đổi lần thứ 8 ngày 22/12/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại số 449 Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch	
Ông Bùi Tiến Thanh	Phó Chủ tịch	
Ông Trịnh Văn Bình	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2017)
Ông Vũ Văn Tuấn	Thành viên	
Ông Hoàng Ngọc Hà	Thành viên	
Bà Phạm Ngọc Kim	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2017)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Tiến Thanh	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2017)
Ông Bùi Văn Lâm	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2017)
Ông Nguyễn Trọng Điệp	Kiểm soát viên	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2017)
Bà Vũ Thị Hương	Kiểm soát viên	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2017)
Ông Phạm Duy Hiếu	Kiểm soát viên	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2017)
Bà Lưu Thị Hiền	Kiểm soát viên	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2017)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Văn Thanh

Số: 190318.003/BCTC.KTI

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh được lập ngày 19 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

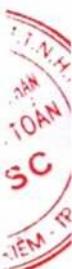
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



## Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Ngày 2/12/2016, Công ty đã nhận lại tài sản góp vốn vào Công ty Cổ phần Hỗ trợ và Dịch vụ Quawaco là hệ thống dẫn nước đập Đá Bạc với nguyên giá là 16.449.417.486 đồng. Giá trị này được xác định căn cứ theo giá trị được định giá tại thời điểm mang đi góp vốn. Công ty không định giá lại tài sản mà sử dụng nguyên giá này để tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Giá trị khấu hao đã được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 là 137.078.480 đồng, năm 2017 là 1.644.941.749 đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thu thập đủ bằng chứng để có thể xác định được giá trị hợp lý của những tài sản này tại thời điểm bàn giao và ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Biễn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0743-2018-002-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Diệu Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0938-2018-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>96.225.161.454</b>	<b>145.643.457.723</b> ✓
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>38.073.735.168</b>	<b>94.009.490.487</b> ✓
111 1. Tiền		24.431.640.948	47.366.394.116
112 2. Các khoản tương đương tiền		13.642.094.220	46.643.096.371
<b>130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>22.176.908.152</b>	<b>20.028.248.771</b> ✓
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		15.957.102.118	13.831.807.503
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	4.998.685.458	5.050.238.908
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.764.460.283	1.483.444.242
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(543.339.707)	(337.241.882)
<b>140 IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>28.408.861.581</b>	<b>28.501.421.556</b> ✓
141 1. Hàng tồn kho		28.408.861.581	30.303.266.106
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(1.801.844.550)
<b>150 V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.565.656.553</b>	<b>3.104.296.909</b> ✓
152 1. Thuế GTGT được khấu trừ		7.565.656.553	3.104.296.909
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>899.420.688.497</b>	<b>853.872.520.993</b> ✓
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>778.178.492.241</b>	<b>745.429.382.564</b> ✓
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	775.883.915.401	744.047.925.650
222 - Nguyên giá		1.715.245.615.345	1.549.817.614.363
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(939.361.699.944)	(805.769.688.713)
227 2. Tài sản cố định vô hình	11	2.294.576.840	1.381.456.914
228 - Nguyên giá		4.970.450.747	3.570.791.071
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(2.675.873.907)	(2.189.334.157)
<b>240 IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>112.409.963.922</b>	<b>100.760.234.415</b> ✓
241 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		61.405.050.177	61.157.783.338
242 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		51.004.913.745	39.602.451.077
<b>250 V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>3.870.255.000</b>	<b>3.870.255.000</b> ✓
251 1. Đầu tư vào công ty con		3.870.255.000	3.870.255.000
<b>260 VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.961.977.334</b>	<b>3.812.649.014</b> ✓
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.961.977.334	3.812.649.014
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>995.645.849.951</b>	<b>999.515.978.716</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>300 C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>441.740.870.799</b>	<b>446.719.406.484</b> ✓
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>214.108.940.187</b>	<b>212.416.795.135</b> ✓
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	103.270.896.654	88.592.266.751
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.839.714.858	2.532.417.054
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	13.294.379.836	10.139.130.949
314 4. Phải trả người lao động		63.490.082.327	56.681.279.119
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.798.815.751	1.747.709.956
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	17	4.162.839.205	1.131.059.656
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	24.385.123.552	33.637.569.581
322 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.867.088.004	17.955.362.069
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>227.631.930.612</b>	<b>234.302.611.349</b> ✓
338 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	227.631.930.612	234.302.611.349
<b>400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>553.904.979.152</b>	<b>552.796.572.232</b> ✓
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>553.904.979.152</b>	<b>552.796.572.232</b> ✓
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		402.951.789.959	402.951.789.959
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		402.951.789.959	402.951.789.959
414 2. Vốn khác của chủ sở hữu		84.787.154.244	107.817.748.494
418 3. Quỹ đầu tư phát triển		20.237.297.104	9.588.621.016
421 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		39.928.737.845	32.438.412.763
421b - LNST chưa phân phối năm nay		39.928.737.845	32.438.412.763
422 5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		6.000.000.000	-
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>995.645.849.951</b>	<b>999.515.978.716</b>

Người lập biểu



Lê Thị Hậu

Kế toán trưởng



Tô Thị Hằng Nga

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Văn Thanh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	517.427.713.381	475.424.361.311
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		517.427.713.381	475.424.361.311
11	4. Giá vốn hàng bán	21	414.165.771.594	382.615.897.731
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		103.261.941.787	92.808.463.580
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.495.998.566	1.254.625.979
22	7. Chi phí tài chính	23	18.843.067.272	18.442.556.911
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		18.843.067.272	18.442.556.911
25	8. Chi phí bán hàng	24	494.886.641	757.397.809
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	36.405.360.054	35.052.630.022
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		50.014.626.386	39.810.504.817
31	11. Thu nhập khác	26	1.553.210.629	1.330.068.462
32	12. Chi phí khác	27	1.963.233.441	879.310.050
40	13. Lợi nhuận khác		(410.022.812)	450.758.412
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		49.604.603.574	40.261.263.229
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	9.675.865.729	7.822.850.466
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>39.928.737.845</u>	<u>32.438.412.763</u>
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	991	805

Người lập biểu

Lê Thị Hậu

Kế toán trưởng

Tô Thị Hằng Nga

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Văn Thanh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	604.883.619.479	544.497.496.699
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(133.919.202.666)	(79.189.693.195)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(144.815.249.484)	(125.948.044.531)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(17.385.572.042)	(18.552.401.963)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(9.522.850.466)	(5.869.307.059)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	3.655.244.713	1.736.692.465
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(125.040.100.135)	(88.168.005.363)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>177.855.889.399</b>	<b>228.506.737.053</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(212.378.554.776)	(167.068.100.259)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.486.127.584	1.254.625.979
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(209.892.427.192)</b>	<b>(165.813.474.280)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	8.947.884.000	26.086.194.101
33	2. Tiền thu từ đi vay	18.322.458.089	13.275.602.159
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	(34.245.584.855)	(37.024.912.543)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(16.923.974.760)	(13.095.932.850)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(23.899.217.526)</b>	<b>(10.759.049.133)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(55.935.755.319)</b>	<b>51.934.213.640</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>94.009.490.487</b>	<b>42.075.276.847</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>38.073.735.168</b>	<b>94.009.490.487</b>

Người lập biểu



Lê Thị Hậu

Kế toán trưởng



Tô Thị Hằng Nga

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Văn Thanh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nước sạch Quảng Ninh (tiền thân là Công ty Thi công và Cấp nước Quảng Ninh) theo giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5700100104 ngày 31/12/2013 và thay đổi lần thứ 8 ngày 22/12/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại số 449 Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 402.951.789.959 VND, tương đương với 40.295.178 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và cung cấp dịch vụ.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, du lịch, dịch vụ, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn Quảng Ninh;
- Quản lý dự án đầu tư cấp thoát nước trên địa bàn tỉnh;
- Đầu tư xây dựng các công trình cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường. Tổng thầu thực hiện các dự án cấp nước theo hình thức chia khóa trao tay;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Lập quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp nước Móng Cái	Đường Nguyễn Du, TP. Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp nước Uông Bí	Đường Quang Trung, TP. Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp nước Hồng Gai	Đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp nước Miền Đông	Thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp nước Bãi Cháy	Đường Hạ Long, TP. Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Nhà máy nước Diễn Vọng	Đường Quang Hanh, TP. Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp nước Đông Triều	Thị xã Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp nước Cẩm Phả	Đường Trần Phú, TP. Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp nước Vân Đồn	Thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp xây lắp và dịch vụ Quawaco	Phường Hà Lâm, TP. Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh doanh nước uống tinh khiết và xây dựng thi công lắp đặt công trình
Trung tâm Kiểm định Đồng hồ	Đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, Quảng Ninh	Kiểm định đồng hồ nước

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trung tâm Tư vấn Thiết kế Xây dựng Cấp thoát Nước	Đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, Quảng Ninh	Tư vấn thiết kế
Ban quản lý dự án Cấp nước Quảng Ninh	Đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, Quảng Ninh	Xây dựng Công trình Cấp nước
Xí nghiệp nước Quảng Yên	Phường Yên Giang, Thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch

Thông tin về các công ty con của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty và các Đơn vị trực thuộc. Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

### 2.4 . Giả định về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nợ ngắn hạn vượt Tài sản ngắn hạn là 117,88 tỷ đồng. Tuy nhiên, tình hình hoạt động của Công ty liên tục phát triển qua các năm và dòng tiền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty lớn (Năm 2017, thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là hơn 600 tỷ đồng). Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc áp dụng giả định hoạt động liên tục cho việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty là phù hợp.

### 2.5 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu khách hàng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con tại thời điểm cuối năm căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con.

## 2.8 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 25 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Giấy phép và giấy nhượng quyền	03 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	03 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài: Không trích khấu hao	

Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tài sản cố định là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn bắt đầu từ năm 2014 theo tỉ lệ là 1,6 lần so với mức khấu hao theo khung đã lựa chọn. Theo đó, trong năm 2017, giá trị khấu hao nhanh trích cao hơn so với khung đã lựa chọn là 37 tỷ VND (trong đó năm 2017 Công ty bổ sung thêm một số tài sản cố định vào danh mục tài sản trích khấu hao nhanh, tổng giá khấu hao nhanh của các tài sản này là 10,6 tỷ VND).

#### 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu) và vốn đầu tư xây dựng cơ bản được cấp từ Ngân sách Nhà nước.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được ghi nhận tăng khi Ngân sách nhà nước cấp tiền cho Công ty hoặc chuyển tiền trực tiếp cho các nhà thầu để thanh toán cho các công trình xây dựng cơ bản được bố trí bởi nguồn vốn Ngân sách. Công ty ghi nhận giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và tăng vốn chủ sở hữu tương ứng khi công trình xây dựng cơ bản được hoàn thành và có phê duyệt quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị.

## 2.17 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## 2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty con;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.079.664.457	2.117.076.882
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.351.976.491	45.249.317.234
Các khoản tương đương tiền (*)	13.642.094.220	46.643.096.371
	<b><u>38.073.735.168</u></b>	<b><u>94.009.490.487</u></b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5%/năm.

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập	3.870.255.000	-	3.870.255.000	-
	<b><u>3.870.255.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>3.870.255.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập (*)	Quảng Ninh	81%	81%	Nước sạch

(\*): Khoản góp vốn thành lập Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập nhằm mục đích đầu tư xây dựng Nhà máy nước Yên Lập với số vốn cam kết góp là 3.060.000.000 VND, tương đương với 51% vốn điều lệ của Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết theo vốn thực góp tại ngày 31/12/2017 là 81%. Ngày 29/01/2013, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã có Quyết định số 312/QĐ-UBND thu hồi 40.660,6 m<sup>2</sup> đất dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước Yên Lập và Công ty này đã dừng hoạt động. Công ty đang phối hợp với Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (đơn vị cùng góp vốn vào Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập) để xử lý khoản đầu tư này theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Công ty không thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập.

#### 5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đầu tư Xây dựng Hải Thịnh	2.229.872.877	-	2.229.872.877	-
Các khoản khác	2.768.812.581	-	2.820.366.031	-
	<b>4.998.685.458</b>	<b>-</b>	<b>5.050.238.908</b>	<b>-</b>

#### 6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	261.975.000	-	419.330.328	-
Phải thu về thuế TNCN	535.987.031	-	130.853.686	-
Phải thu vật tư tạm ứng thi công	596.625.849	-	569.248.766	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội Quảng Ninh	300.352.558	-	309.111.657	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.870.982	-	-	-
Phải thu khác	59.648.863	-	54.899.805	-
	<b>1.764.460.283</b>	<b>-</b>	<b>1.483.444.242</b>	<b>-</b>

7 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	624.757.307	81.417.600	418.659.482	81.417.600
- Công ty TNHH MTV Thép Cái Lân	69.609.000	-	69.609.000	-
- Trung tâm Phát triển Quy đất Hoàn Kiếm	79.454.000	-	79.454.000	-
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Thủy lợi Quảng Ninh	143.100.000	-	-	-
- Viện Quy hoạch và Thiết kế Xây dựng Quảng Ninh	55.846.000	-	-	-
- Các công ty khác	276.748.307	81.417.600	269.596.482	81.417.600
	<b>624.757.307</b>	<b>81.417.600</b>	<b>418.659.482</b>	<b>81.417.600</b>

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.990.965.173	-	27.273.924.857	(1.801.844.550)
Công cụ, dụng cụ	632.892.651	-	526.967.419	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	785.003.757	-	2.502.373.830	-
	<b>28.408.861.581</b>	<b>-</b>	<b>30.303.266.106</b>	<b>(1.801.844.550)</b>

9 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tòa nhà chung cư Quawaco	61.405.050.177	61.405.050.177	61.157.783.338	61.157.783.338
	<b>61.405.050.177</b>	<b>61.405.050.177</b>	<b>61.157.783.338</b>	<b>61.157.783.338</b>

- Tên dự án: Tòa nhà chung cư Quawaco
- Địa điểm: Đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Tổng dự toán là 213.341.841.000 VND.
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn tự có của Công ty và các nguồn vốn khác
- Mục đích đầu tư: xây dựng chung cư để bán cho cán bộ công nhân viên và các đối tượng khác.
- Tình hình thực hiện: Dự án đã tạm ngừng triển khai từ ngày 27/03/2014 để xin phê duyệt điều chỉnh quy hoạch. Ngày 21/01/2016, Ủy ban nhân dân Thành Phố Hạ Long đã ban hành Quyết định số 233/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án này. Quy hoạch mới được phê duyệt đã điều chỉnh giảm số tầng của công trình từ 18 tầng xuống còn 12 tầng (gồm 11 tầng + 01 tầng hầm) và mở rộng diện tích mặt đất. Công ty dự kiến sẽ tiếp tục thực hiện dự án vào Quý III/2018 .

b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>50.597.997.153</b>	<b>39.463.448.516</b>
Trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh	-	20.521.767.127
Đầu tư xây dựng khu xử lý phường Phong Cốc - Quảng Yên	-	3.428.580.167
Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước Hải Xuân - Móng Cái	3.928.330.500	-
Dự án Đầu tư, nâng công suất nhà máy nước Diễn Vọng (*)	26.116.754.777	-
Đầu tư, cải tạo công nghệ tại nhà máy nước Diễn Vọng GD 2	2.415.229.596	-
Dự án Cấp nước Đảo Hà Nam - Thị xã Quảng Yên	4.271.673.233	3.274.195.085
Công trình khác	13.866.009.047	12.238.906.137
<b>Sửa chữa lớn</b>	<b>406.916.592</b>	<b>139.002.561</b>
	<u><b>51.004.913.745</b></u>	<u><b>39.602.451.077</b></u>

(\*): Công trình Lắp đặt bổ sung tuyến ống D630 nhằm nâng công suất chuyển tải và đảm bảo an toàn cấp nước từ nhà máy nước Diễn Vọng về thành phố Hạ Long, Cẩm Phả:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh;
- Tổng mức đầu tư: 47.896.866.000 đồng;
- Công trình bắt đầu thực hiện triển khai vào tháng 08/2017 và dự kiến hoàn thành trong quý I/2018;
- Tại thời điểm 31/12/2017, công trình vẫn đang trong giai đoạn thi công.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	416.429.057.143	191.633.361.391	939.897.363.867	1.857.831.962	1.549.817.614.363
- Mua trong năm	132.321.500	3.899.114.618	2.427.463.818	219.700.000	6.678.599.936
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	103.057.164.516	18.877.986.143	77.481.820.218	-	199.416.970.877
- Phân loại lại	(19.199.185)	19.199.185	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(9.411.958.187)	(3.064.467.351)	(4.343.480.018)	(302.658.909)	(17.122.564.465)
- Giảm khác (i)	(23.545.005.366)	-	-	-	(23.545.005.366)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>486.642.380.421</b>	<b>211.365.193.986</b>	<b>1.015.463.167.885</b>	<b>1.774.873.053</b>	<b>1.715.245.615.345</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	170.374.808.493	129.484.442.894	504.664.273.801	1.246.163.525	805.769.688.713
- Khấu hao trong năm	41.223.957.087	15.248.104.789	93.550.347.695	151.426.900	150.173.836.471
- Thanh lý, nhượng bán	(9.205.794.138)	(3.027.015.991)	(4.046.356.202)	(302.658.909)	(16.581.825.240)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>202.392.971.442</b>	<b>141.705.531.692</b>	<b>594.168.265.294</b>	<b>1.094.931.516</b>	<b>939.361.699.944</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	246.054.248.650	62.148.918.497	435.233.090.066	611.668.437	744.047.925.650
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>284.249.408.979</b>	<b>69.659.662.294</b>	<b>421.294.902.591</b>	<b>679.941.537</b>	<b>775.883.915.401</b>

(i) Bàn giao tài sản cho nhà nước khi quyết toán cổ phần hóa (Xem thêm tại Thuyết minh số 18).

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 266.339.660.120 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 330.444.675.725 VND.

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền phát hành VND	Phần mềm máy vi tính VND	Giấy phép và giấy nhượng quyền VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	31.051.000	90.000.000	1.637.698.686	1.812.041.385	-	3.570.791.071
- Mua trong năm	-	-	-	-	1.555.559.091	1.555.559.091
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(155.899.415)	-	-	(155.899.415)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>31.051.000</b>	<b>90.000.000</b>	<b>1.481.799.271</b>	<b>1.812.041.385</b>	<b>1.555.559.091</b>	<b>4.970.450.747</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	-	90.000.000	1.478.569.628	620.764.529	-	2.189.334.157
- Khấu hao trong năm	-	-	64.619.293	234.573.237	343.246.635	642.439.165
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(155.899.415)	-	-	(155.899.415)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>90.000.000</b>	<b>1.387.289.506</b>	<b>855.337.766</b>	<b>343.246.635</b>	<b>2.675.873.907</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	31.051.000	-	159.129.058	1.191.276.856	-	1.381.456.914
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>31.051.000</b>	<b>-</b>	<b>94.509.765</b>	<b>956.703.619</b>	<b>1.212.312.456</b>	<b>2.294.576.840</b>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.308.401.544 VND.

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.961.977.334	3.812.649.014
	<b>4.961.977.334</b>	<b>3.812.649.014</b>

13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay dài hạn đến hạn trả</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	4.627.536.000	4.627.536.000	700.835.000	4.627.536.000	700.835.000	700.835.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	600.000.000	600.000.000	538.000.000	600.000.000	538.000.000	538.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	18.222.648.855	18.222.648.855	19.954.303.826	18.222.648.855	19.954.303.826	19.954.303.826
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long	3.695.400.000	3.695.400.000	-	3.695.400.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế - chi nhánh Quảng Ninh	3.300.000.000	3.300.000.000	-	3.300.000.000	-	-
Vay cá nhân	3.191.984.726	3.191.984.726	-	-	3.191.984.726	3.191.984.726
	<b>33.637.569.581</b>	<b>33.637.569.581</b>	<b>21.193.138.826</b>	<b>30.445.584.855</b>	<b>24.385.123.552</b>	<b>24.385.123.552</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	5.496.256.600	5.496.256.600	-	4.627.536.000	868.720.600	868.720.600
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	1.138.000.000	1.138.000.000	-	600.000.000	538.000.000	538.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	244.418.539.604	244.418.539.604	18.322.458.089	18.222.648.855	244.518.348.838	244.518.348.838
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long	3.695.400.000	3.695.400.000	-	3.695.400.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế - chi nhánh Quảng Ninh	10.000.000.000	10.000.000.000	-	7.100.000.000	2.900.000.000	2.900.000.000
Vay cá nhân	3.191.984.726	3.191.984.726	-	-	3.191.984.726	3.191.984.726
	<b>267.940.180.930</b>	<b>267.940.180.930</b>	<b>18.322.458.089</b>	<b>34.245.584.855</b>	<b>252.017.054.164</b>	<b>252.017.054.164</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(33.637.569.581)	(33.637.569.581)	(21.193.138.826)	(30.445.584.855)	(24.385.123.552)	(24.385.123.552)
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>234.302.611.349</b>	<b>234.302.611.349</b>			<b>227.631.930.612</b>	<b>227.631.930.612</b>



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm a	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2017	01/01/2017
					VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh					868.720.600	5.496.256.600
- Hợp đồng 07.HB/2007/HĐTD ngày 31/05/2007	VND	Thả nổi	2017	(*)	-	911.428.000
- Hợp đồng 03/2011/HĐTD ngày 31/05/2011	VND	Thả nổi	2017	(*)	-	836.108.000
- Hợp đồng 04/2012/HĐTD ngày 14/12/2012	VND	Thả nổi	2018	Tín chấp	194.435.000	2.568.035.000
- Hợp đồng 78/2014-HDDTDDDA/NHCT300-NS ngày 28/04/2014	VND	Thả nổi	2019	(*)	674.285.600	1.180.685.600
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh					538.000.000	1.138.000.000
- Hợp đồng 03/2013/HĐTD ngày 16/10/2013	VND	Thả nổi	2018	(*)	250.000.000	550.000.000
- Hợp đồng 01/2013/HĐTD ngày 05/09/2013	VND	Thả nổi	2018	(*)	288.000.000	588.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh					244.518.348.838	244.418.539.604
- Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính ký ngày 14/09/2009	VND	5,40%	2019	Tín chấp	56.906.066.064	61.648.238.236
- Hiệp định tín dụng vốn ODA Đơn Mạch số 01/2001/TDNN	VND	6,50%	2021	Tín chấp	10.142.427.978	13.523.235.978
- Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính ký ngày 01/07/1999	VND	6,50%	2019	Tín chấp	-	10.099.668.683
- Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính ký ngày 06/01/2012	VND	6,75%	2032	Tín chấp	177.469.854.796	159.147.396.707
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long					-	3.695.400.000
- Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/DA/Quawaco ngày	VND	Thả nổi	2022	(*)	-	3.695.400.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Quảng Ninh					2.900.000.000	10.000.000.000
- Hợp đồng số 008.HĐTD.2.010.16 ngày 25/1/2016	VND	Thả nổi	2022	(*)	2.900.000.000	10.000.000.000
Vay cá nhân	VND	0,00%	2015	(**)	3.191.984.726	3.191.984.726
					<b>252.017.054.164</b>	<b>267.940.180.930</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(24.385.123.552)	(33.637.569.581)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					<b>227.631.930.612</b>	<b>234.302.611.349</b>

(\*) Các khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay thông qua các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(\*\*) Các khoản vay được bảo đảm bằng quyền ưu tiên mua căn hộ tại Tòa nhà chung cư Quawaco tại phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	15.633.372.949	15.633.372.949	43.897.373.173	43.897.373.173
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng BHI	32.331.454.527	32.331.454.527	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển DTA Việt Nam	4.889.373.291	4.889.373.291	4.158.125.710	4.158.125.710
Các khoản khác	50.416.695.887	50.416.695.887	40.536.767.868	40.536.767.868
	<b><u>103.270.896.654</u></b>	<b><u>103.270.896.654</u></b>	<b><u>88.592.266.751</u></b>	<b><u>88.592.266.751</u></b>

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	5.392.064.216	5.392.064.216	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.822.850.466	9.675.865.729	9.522.850.466	-	4.975.865.729
Thuế thu nhập cá nhân	-	140.609.289	1.171.575.966	678.814.823	-	633.370.432
Thuế tài nguyên	-	502.475.888	7.540.200.472	6.466.221.505	-	1.576.454.855
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	517.739.429	517.739.429	-	-
Các loại thuế khác	-	429.281.881	2.383.647.661	2.281.183.213	-	531.746.329
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.243.913.425	57.905.940.632	56.572.911.566	-	5.576.942.491
	-	<b>10.139.130.949</b>	<b>84.587.034.105</b>	<b>81.431.785.218</b>	-	<b>13.294.379.836</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.798.815.751	1.747.709.956
	<u><b>1.798.815.751</b></u>	<u><b>1.747.709.956</b></u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	393.970.527	438.239.142
Tiền quỹ của chi hội Cấp thoát nước Miền Bắc	335.868.001	200.000.000
Phải trả vốn nhà nước cấp (*)	2.632.750.996	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	800.249.681	492.820.514
	<u><b>4.162.839.205</b></u>	<u><b>1.131.059.656</b></u>

(\*): Xem thêm chi tiết tại Thuyết minh số 18.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Vốn khác của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	402.951.789.959	63.485.128.654	4.802.539.871	20.809.048.456	18.246.425.739	510.294.932.679
Lãi trong năm trước	-	-	-	32.438.412.763	-	32.438.412.763
Nhận vốn XDCB từ Ngân sách nhà nước	-	-	-	-	26.086.194.101	26.086.194.101
Bàn giao Công trình XDCB từ nguồn vốn Ngân sách nhà nước	-	44.332.619.840	-	-	(44.332.619.840)	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.786.081.145	(7.713.115.606)	-	(2.927.034.461)
Giảm khác	-	-	-	(13.095.932.850)	-	(13.095.932.850)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>402.951.789.959</b>	<b>107.817.748.494</b>	<b>9.588.621.016</b>	<b>32.438.412.763</b>	<b>-</b>	<b>552.796.572.232</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	39.928.737.845	-	39.928.737.845
Nhận vốn XDCB từ Ngân sách nhà nước (i)	-	-	-	-	8.947.884.000	8.947.884.000
Bàn giao Công trình XDCB từ nguồn vốn Ngân sách nhà nước (ii)	-	2.947.884.000	-	-	(2.947.884.000)	-
Tăng khác	-	199.278.112	-	-	-	199.278.112
Giảm vốn trong năm nay (iii)	-	(26.177.756.362)	-	-	-	(26.177.756.362)
Phân phối lợi nhuận (iv)	-	-	10.648.676.088	(15.514.438.003)	-	(4.865.761.915)
Chia cổ tức (iv)	-	-	-	(16.923.974.760)	-	(16.923.974.760)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>402.951.789.959</b>	<b>84.787.154.244</b>	<b>20.237.297.104</b>	<b>39.928.737.845</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>553.904.979.152</b>

(i) Bao gồm:

- Quyết định số 712/QĐ-STC ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Sở Tài Chính tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án xây dựng hệ thống cấp nước thô cho khu công nghiệp Hải Hà. Tổng số vốn được quyết toán bằng nguồn ngân sách là 544.241.000 VND.
- Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 14 tháng 03 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà về việc Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phú Hải, huyện Hải Hà. Tổng số vốn được quyết toán bằng nguồn ngân sách là 673.643.000 VND.
- Tăng vốn theo số tiền Ngân sách cấp chi phí giải phóng mặt bằng Dự án mở rộng hệ thống cấp nước TP Uông Bí với số tiền là 1.730.000.000 VND.
- Tăng Nguồn vốn XDCB theo Quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về phê duyệt dự án đầu tư Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho nhân dân xã Cẩm Hải, thành phố Cẩm Phả. Nguồn vốn cấp cho dự án từ ngân sách thành phố Cẩm Phả là 6.000.000.000 VND.

(ii) Nguồn vốn khác của chủ sở hữu hình thành do kết chuyển từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước cấp để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Công ty làm chủ đầu tư khi có quyết toán dự án hoàn thành. Các tài sản hình thành từ nguồn vốn này đã được bàn giao cho Công ty quản lý và sử dụng.

(iii) Giảm vốn trong năm gồm:

- Giảm vốn ngân sách cấp thừa theo Quyết định của 4859/QĐ-STC ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước Yên Lập tại phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh số tiền là 1.632.750.996 VND.
- Quyết định 6387/UBND-XD4 ngày 29 tháng 08 năm 2017 về việc nguồn vốn phục vụ công tác chuẩn bị đầu tư dự án mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Uông Bí của UBND tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, chi phí cho việc chuẩn bị dự án đầu tư không được Ngân sách chi trả với số tiền là 1.000.000.000 VND.
- Tài sản bàn giao cho Nhà nước khi quyết toán cổ phần hóa với số tiền là 23.545.005.366 VND.

(iv) Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-HĐCĐ ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
Kết quả kinh doanh sau thuế		32.438.412.763
Trích quỹ đầu tư phát triển	33%	10.648.676.088
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	15%	4.865.761.915
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 420 VNĐ)	52%	16.923.974.760

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2017	Tỷ lệ	01/01/2017	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn nhà nước	383.441.789.959	95,16	383.441.789.959	95,16
Các cổ đông khác	19.510.000.000	4,84	19.510.000.000	4,84
	<b>402.951.789.959</b>	<b>100,00</b>	<b>402.951.789.959</b>	<b>100,00</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	402.951.789.959	402.951.789.959
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	402.951.789.959	402.951.789.959
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	16.923.974.760	13.095.932.850

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.295.178	40.295.178
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.295.178	40.295.178
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.295.178	40.295.178
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.295.178	40.295.178
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.295.178	40.295.178
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

**e) Các quỹ của Công ty**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	20.237.297.104	9.588.621.016
	<b>20.237.297.104</b>	<b>9.588.621.016</b>

**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**a) Tài sản nhận giữ hộ**

Tại ngày 31/12/2017, Tài sản nhận giữ hộ nhà nước bao gồm Trần xá lữ Cao Vân, Đập đất Cao Vân và Đường quản lý Diễn Vọng với tổng nguyên giá 23.545.005.336 VND.

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	303.580.976	303.580.976

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu sản xuất nước máy	503.164.135.721	464.576.709.458
Doanh thu phát triển mạng lưới nước	6.594.359.232	5.667.001.790
Doanh thu nước uống tinh khiết	2.505.517.000	2.537.956.351
Doanh thu khác	5.163.701.428	2.642.693.712
	<b>517.427.713.381</b>	<b>475.424.361.311</b>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn sản xuất nước máy	401.041.938.964	373.439.621.872
Giá vốn phát triển mạng lưới nước	6.175.381.174	5.248.680.982
Giá vốn nước uống tinh khiết	2.017.500.447	1.776.561.789
Giá vốn hoạt động khác	4.930.951.009	2.151.033.088
	<b><u>414.165.771.594</u></b>	<b><u>382.615.897.731</u></b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.495.998.566	1.254.625.979
	<b><u>2.495.998.566</u></b>	<b><u>1.254.625.979</u></b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	18.843.067.272	18.442.556.911
	<b><u>18.843.067.272</u></b>	<b><u>18.442.556.911</u></b>

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	159.379.154	109.454.946
Chi phí nhân công	134.125.154	477.362.959
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	18.370.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.955.540	-
Chi phí khác bằng tiền	60.426.793	152.209.576
	<b><u>494.886.641</u></b>	<b><u>757.397.809</u></b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	(Phân loại lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.396.494.918	2.410.846.022
Chi phí nhân công	21.632.132.979	21.085.953.214
Chi phí khấu hao tài sản cố định	519.000.398	626.025.811
Thuế, phí và lệ phí	801.702.150	584.146.396
Chi phí dự phòng	206.097.825	107.140.930
Chi phí dịch vụ mua ngoài	701.680.928	1.046.735.907
Chi phí khác bằng tiền	10.148.250.856	9.191.781.742
	<b><u>36.405.360.054</u></b>	<b><u>35.052.630.022</u></b>

**26 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu tiền bồi thường tuyến ống cấp nước	194.660.455	409.613.706
Tiền nhận tài trợ kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty	-	855.000.000
Tiền nhận tài trợ tổ chức hội thao CTN lần 8	1.150.000.000	-
Thanh lý vật liệu cũ hỏng	114.318.069	-
Các khoản khác	94.232.105	65.454.756
	<b><u>1.553.210.629</u></b>	<b><u>1.330.068.462</u></b>

**27 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	580.978.885	-
Tiền chi tổ chức hội thao CTN lần 8	1.275.698.881	-
Chi phí kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty	-	855.000.000
Các khoản khác	106.555.675	24.310.050
	<b><u>1.963.233.441</u></b>	<b><u>879.310.050</u></b>

**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	49.604.603.574	40.261.263.229
Các khoản điều chỉnh tăng	233.248.573	5.157.103
- Chi phí không hợp lệ	233.248.573	5.157.103
Thu nhập chịu thuế TNDN	49.837.852.147	40.266.420.332
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	9.967.570.429	8.053.284.066
Thuế TNDN được giảm	(291.704.700)	(230.433.600)
- Chi cho lao động nữ	(291.704.700)	(230.433.600)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b><u>9.675.865.729</u></b>	<b><u>7.822.850.466</u></b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	4.822.850.466	2.869.307.059
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(9.522.850.466)	(5.869.307.059)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b><u>4.975.865.729</u></b>	<b><u>4.822.850.466</u></b>

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	39.928.737.845	32.438.412.763
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	39.928.737.845	32.438.412.763
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	40.295.178	40.295.178
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>991</b>	<b>805</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hàng năm.

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.705.096.255	32.196.156.954
Chi phí nhân công	187.591.712.149	180.775.497.970
Chi phí khấu hao tài sản cố định	150.735.161.309	139.617.808.831
Chi phí dự phòng	206.097.825	107.140.930
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.859.017.315	44.090.565.065
Chi phí khác bằng tiền	30.499.107.378	23.424.060.663
	<b>449.596.192.231</b>	<b>420.211.230.413</b>

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.073.735.168	-	94.009.490.487	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.721.562.401	(337.241.882)	15.315.251.745	(337.241.882)
	<b>55.795.297.569</b>	<b>(337.241.882)</b>	<b>109.324.742.232</b>	<b>(337.241.882)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	252.017.054.164	267.940.180.930
Phải trả người bán, phải trả khác	107.433.735.859	89.723.326.407
Chi phí phải trả	1.798.815.751	1.747.709.956
	<b>361.249.605.774</b>	<b>359.411.217.293</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

##### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và tương đương tiền	38.073.735.168	-	-	38.073.735.168
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.384.320.519	-	-	17.384.320.519
	<u>55.458.055.687</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>55.458.055.687</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và tương đương tiền	94.009.490.487	-	-	94.009.490.487
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.978.009.863	-	-	14.978.009.863
	<u>108.987.500.350</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>108.987.500.350</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	24.385.123.552	87.315.920.630	140.316.009.982	252.017.054.164
Phải trả người bán, phải trả khác	107.433.735.859	-	-	107.433.735.859
Chi phí phải trả	1.798.815.751	-	-	1.798.815.751
	<u>133.617.675.162</u>	<u>87.315.920.630</u>	<u>140.316.009.982</u>	<u>361.249.605.774</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	33.637.569.581	59.035.944.682	175.266.666.667	267.940.180.930
Phải trả người bán, phải trả khác	89.723.326.407	-	-	89.723.326.407
Chi phí phải trả	1.747.709.956	-	-	1.747.709.956
	<u>125.108.605.944</u>	<u>59.035.944.682</u>	<u>175.266.666.667</u>	<u>359.411.217.293</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**a) Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	18.322.458.089	13.275.602.159

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	34.245.584.855	37.024.912.543

**33 . THÔNG TIN KHÁC**

Thực hiện Công văn số 2868/UBND-QH1 ngày 25/05/2015 và Quyết định số 4060/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc thu hồi đất Xí nghiệp nước Bãi Cháy của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh để bàn giao Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hà Thành (Hà Thành) thực hiện dự án xây dựng khách sạn 4 sao Hà Thành tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, Công ty đã bàn giao 646m<sup>2</sup> đất cho Hà Thành và Hà Thành có trách nhiệm bồi thường cho Công ty theo phương án thỏa thuận bồi thường, hỗ trợ của Trung tâm Phát triển Quỹ đất UBND thành phố Hạ Long đề ra là 4.249.876.000 VND. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường từ cơ quan quan có thẩm quyền làm cơ sở để Hà Thành chuyển số tiền bồi thường này cho Công ty.

Công ty đang thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/09/2017 để thoái toàn bộ phần vốn nhà nước tại Công ty. Theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng chính phủ, phần vốn nhà nước dự định thoái là 38.344.178 cổ phần tương ứng với 95,16% vốn điều lệ của Công ty.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh nước máy và phát sinh toàn bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.838.063.000	3.130.349.087

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Lê Thị Hậu

Kế toán trưởng



Tô Thị Hằng Nga

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Văn Thanh